

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/12/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con,
nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Khánh và bà Lê Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 66/2020/TLST – HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1989; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam, nơi cư trú: Thôn Th, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn Th, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn C, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu M - Giám đốc Agribank Chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Nam II; người được ông M ủy quyền ông Phạm Xuân H - Chức vụ Phó giám đốc Agribank Chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Nam II; vắng mặt.

- Ông Đoàn Văn X, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1954; đều có nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn C, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ông X, bà Y đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày ý kiến: Chị tự nguyện kết hôn với anh Đoàn Văn Th vào ngày 03/3/2013, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th ra bên ngoài làm nghề tự do nhưng hàng tháng không gửi tiền về cho chị nuôi con và lo cuộc sống gia đình nên kinh tế vợ chồng gặp phải rất nhiều khó khăn; mỗi khi chị nói thì anh Th lại chửi bới và vợ chồng lại mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Việc này diễn ra thường xuyên khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt; cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng nặng nề không có hạnh phúc. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 9/2019 và chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Th, xã Tr ở; anh Th có đến tìm nhưng chị không về chung sống cùng anh Th nữa; cũng từ thời gian này đến nay anh chị sống ly thân. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Th không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn Th.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đoàn Văn Th trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T ở nhà làm ruộng, nuôi con; còn anh ra bên ngoài làm nghề tự do nhưng do công việc không ổn định nên hàng tháng không đưa tiền về cho chị T nuôi con và lo cuộc sống gia đình vì thế kinh tế của vợ chồng cũng gặp phải rất nhiều khó khăn; nhưng chị T lại không khéo léo nói với anh mà thường xuyên có những lời lẽ thiếu tôn trọng anh nên anh đã chửi chị T và vợ chồng lại mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Việc này diễn ra thường xuyên khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt; cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 9/2019 và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Th, xã Tr ở; anh nhiều lần đến tìm nhưng chị T không về chung sống cùng anh nữa. Cũng từ thời gian này đến nay anh chị sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị T là không còn; nhưng chị T xin ly hôn anh, anh không nhất trí với lý do anh là người theo đạo Thiên chúa không được phép ly hôn và anh không muốn các con phải khổ.

- Về con chung: Chị T, anh Th đều xác định có 03 con chung: Cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 24/12/2013, cháu Đoàn Thị Thu Th, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 28/12/2018. Hiện nay các cháu A, Th đang ở với anh Th, cháu B đang ở với chị T; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị T xác định ly hôn đề nghị Tòa án giao hai cháu A, Th cho anh Th nuôi dưỡng, giao cháu B cho chị nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trước đây chị xác định chị đang làm tại Công ty nhựa đồ chơi tại xã Tr,

huyện B nhưng hiện nay chị đã nghỉ và làm nghề buôn bán tự do, thu nhập khoảng 06 triệu đồng/tháng. Anh Th xác định nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao cả 3 cháu A, Th, B cho anh nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Vì hiện nay anh đang làm nghề chạy xe ôm, thu nhập khoảng 06 triệu đồng/tháng.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị T, anh Th đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị T, anh Th đều xác định chị T và các cháu A, Th, B không có. Còn anh Th có 2,5 sào ruộng cấy tiêu chuẩn tại thôn C, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ly hôn anh, chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công nợ: Chị T, anh Th đều xác định vợ chồng còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Nam II nợ gốc là 25.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 2902-LAV-201703266 ngày 04/12/2017; lãi đã trả hết ngày 21/11/2020. Anh, chị đã tự thỏa thuận anh Th có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 25.000.000 đồng và lãi cho Ngân hàng, chị T không phải trả cùng.

* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Xuân H trình bày:

Theo hợp đồng tín dụng số 2902-LAV-201703266 ngày 04/12/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B, tỉnh Hà Nam II do anh Đoàn Văn Th đứng tên vay vốn, chị Phạm Thị T cùng ông Đoàn Văn X và bà Nguyễn Thị Y là người thừa kế thì Ngân hàng có cho anh Đoàn Văn Th và chị Phạm Thị T vay số tiền 150.000.000 đồng; lãi tiền vay 11.4%/năm, thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất nợ quá hạn là 150%, mục đích vay chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình; khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản theo Nghị định 55 của Chính phủ. Đến hết tháng 8/2020 chị T, anh Th đã trả Ngân hàng nợ gốc 125.000.000 đồng gốc và lãi suất hàng tháng. Còn lại gốc là 25.000.000 đồng và lãi phát sinh. Nay các bên đương sự tự thỏa thuận, ly hôn anh Đoàn Văn Th có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng, chị T không phải trả cùng. Ngân hàng hoàn toàn nhất trí.

* Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn X và bà Nguyễn Thị Y trình bày :

Vào ngày 04/12/2017 ông bà có ký hợp đồng tín dụng số 2902-LAV-201703266 ngày 04/12/2020 và ủy quyền cho anh Th, chị T là con trai và con dâu vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bình Lục tổng số tiền: 150.000.000 đồng; lãi suất tiền vay 11.4%/năm, thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất nợ quá hạn là 150%, mục đích vay để làm ăn và chi phí cho gia đình; khoản vay

này không có bảo đảm bằng tài sản. Kể từ ngày vay đến hết tháng 8/2020 thì anh Th, chị T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 125.000.000 đồng và lãi suất hàng tháng. Còn lại gốc 25.000.000 đồng anh Th nhận trả toàn bộ chị T không phải trả cùng, ông bà hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì thể hiện tại biên bản lấy lời khai của ông Đoàn Văn X và biên bản hòa giải.

Tại phiên tòa, các vấn đề về tình cảm, tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, chị T, anh Th vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên. Riêng về con chung anh Th, chị T thay đổi quan điểm: anh, chị thống nhất thỏa thuận nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao chị T nuôi dưỡng cháu Đoàn Thị Thu Th, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 28/12/2018; giao anh Th nuôi dưỡng cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 24/12/2013; anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Thu Th cho chị T số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục có quan điểm: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B, Chi nhánh Hà Nam II thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn X và bà Phạm Thị Y không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể ông X, bà Y không ký vào biên bản lấy lời khai; ông X không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do; anh Th, bà Y có mặt nhưng kiên quyết không ký vào biên bản. Tại phiên tòa ngày 30/11/2020 và phiên tòa hôm nay, ông X, bà Y vắng mặt không có lý do. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 59, 60, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Đoàn Văn Th.

2. Về con chung: Chấp sự thỏa thuận của chị T, anh Th; giao chị T nuôi dưỡng cháu Đoàn Thị Thu Th, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 28/12/2018; giao anh Đoàn Văn Th nuôi dưỡng cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 24/12/2013; anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Thu Th cho chị T số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

3. Nghĩa vụ về tài sản: Buộc anh Đoàn Văn Th có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Nam II số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất tiền vay tính từ ngày 22/11/2020 theo hợp đồng tín dụng số 2902- LAV-201703266 ngày 04/12/2017 và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 06/02/2020.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Án phí đối với người có nghĩa vụ trả nợ: Anh Đoàn Văn Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị T xin ly hôn anh Đoàn Văn Th, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “*Ly hôn, nuôi con, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn C, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đoàn Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/03/2013 (Số 01, Quyền số 23/2013), nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 9/2019 và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống; anh Th nhiều lần đến tìm nhưng chị T cũng không về chung sống cùng anh Th nữa. Cũng từ thời gian này đến nay anh, chị sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị T, anh Th xảy ra đã lâu, đời sống chung của vợ chồng thực tế đã chấm dứt từ tháng 9/2019 đến nay. Tại bản tự khai ngày 06/10/2020 anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí nhưng tại phiên hòa giải anh Th lại thay đổi quan điểm anh xin đoàn tụ vì anh là người theo đạo Thiên chúa không được phép ly hôn và anh không muốn các con phải khổ nhưng anh Th cũng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ của vợ chồng mà thực tế mỗi lần anh chị gặp nhau ngay cả khi Tòa án hòa giải anh chị vẫn mâu thuẫn và có những lời lẽ lăng mạ làm tổn thương nhau. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã Tr thì địa phương cũng có quan điểm: Việc anh, chị xảy ra mâu

thuần kéo dài là đúng thực tế. Hơn nữa cả hai đã sống ly thân hơn 1 năm nay nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng; nếu có về chung sống cũng không có hạnh phúc. Do vậy chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục xem xét, giải quyết vụ án chị T xin ly hôn anh Th theo quy định của pháp luật để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh Th đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ. Do vậy việc xử cho chị T ly hôn anh Th là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị T, anh Th đều xác định có ba con chung là cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 24/12/2013, cháu Đoàn Thị Thu Th, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 28/12/2018. Hiện nay các cháu A, Th đang ở với anh Th, cháu B đang ở với chị T; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T đề nghị Tòa án giao cháu Đoàn Gia B cho chị nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Tuấn A và Đoàn Thị Thu Th cho anh Th nuôi dưỡng; anh Th đề nghị được nuôi cả 3 cháu Đoàn Tuấn A, Đoàn Thị Thu Th và Đoàn Gia B. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, anh chị đều thống nhất thỏa thuận nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Đoàn Thị Thu Th, sinh ngày 06/4/2016, cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 28/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 24/12/2013 cho anh Th nuôi dưỡng; anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Thu Th cho chị T số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, anh chị đều làm nghề tự do, thu nhập bình quân khoảng 6.000.000đ/tháng, điều kiện nuôi dưỡng con của anh chị là như nhau. Mặt khác cháu Đoàn Thị Thu Th nay mới được hơn 4 tuổi và cháu là con gái, còn cháu Đoàn Gia B chưa đủ 36 tháng tuổi nên đều rất cần mẹ chăm sóc. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã Tr thì địa phương có quan điểm: Việc Tòa án giao các cháu cho ai nuôi phải đảm bảo sự ổn định, trên cơ sở điều kiện nơi ở và thu nhập của mỗi bên nếu các bên không thỏa thuận được với nhau.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc thỏa thuận của chị T, anh Th là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với thực tế. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh chị giao cháu Đoàn Thị Thu Th, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 28/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 24/12/2013 cho anh Th nuôi dưỡng; anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Thu Th cho chị T số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị T, anh Th đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với nghĩa vụ về tài sản: Anh Th, chị T, ông X, bà Y và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Nam II đều xác định anh Th, chị T còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Nam II số tiền 25.000.000đ gốc, lãi suất 11.4% năm, mục đích vay để làm ăn và chi phí cho gia đình theo hợp đồng tín dụng số 2902-LAV-201703266 ngày 04/12/2017; khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản. Hiện nay chưa trả gốc, lãi đã trả đến hết ngày 21/11/2020. Do anh Th xin nhận trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh vì trước đó chị T đã thực hiện xong phần nghĩa vụ trả nợ do anh chị tự thỏa thuận và các đương sự đều nhất trí với sự tự nguyện của anh Th nhưng ông X, bà Y không ký vào biên bản lấy lời khai; tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông X vắng mặt không có lý do; anh Th, bà Y có mặt nhưng không ký vào biên bản (các biên bản này đều có sự chứng kiến, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã và Công an xã Tr). Mặt khác theo báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 06/02/2020 thì anh Th là người nhận nợ với Ngân hàng. Do vậy, cần buộc anh Th có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất tính từ ngày 22/11/2020 là phù hợp với thực tế và phù hợp với các điều 60 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.
- Án phí đối với người có nghĩa vụ trả nợ: Do anh Th tự nguyện trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam II nên anh Th phải chịu án phí tương ứng với phần nghĩa vụ phải trả nợ cụ thể như sau: $25.000.000đ \times 5\% = 1.250.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Đoàn Văn Th.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị T, anh Th; giao chị T nuôi dưỡng cháu Đoàn Thị Thu Th, sinh ngày 06/4/2016 và cháu Đoàn Gia B, sinh ngày 28/12/2018; giao anh Đoàn Văn Th nuôi dưỡng cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 24/12/2013; anh Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Thị Thu Th cho chị T số tiền 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Chị T, anh Th cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với các cháu Đoàn Tuấn A, Đoàn Thị Thu Th, Đoàn Gia B.

3. Nghĩa vụ về tài sản: Buộc anh Đoàn Văn Th có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Nam II số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi suất tiền vay tính từ ngày 22/11/2020 theo hợp đồng tín dụng số 2902- LAV-201703266 ngày 04/12/2017 và báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ ngày 06/02/2020.

4. Về án phí

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0002532 ngày 06/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam. (Chị T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí đối với người có nghĩa vụ trả nợ: Anh Đoàn Văn Th phải chịu 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị T, anh Th biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B, ông Đoàn Văn X và bà Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tr, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng